

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2017

DƯ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch
tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-BVHTTDL ngày 27/6/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình hành động của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số/TTr-SVHTTDL ngày/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2025 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VH,TT và DL;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXH (HĐND tỉnh);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan;
- Như Điều 2;
- LĐVP, Phòng: KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bình Phước
giai đoạn 2017 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2017 của UBND tỉnh)*

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển về nhiều mặt của tỉnh Bình Phước, sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng của tỉnh; nâng cao sức khỏe, thể trạng, tầm vóc và lối sống lành mạnh, làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, so với yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của tỉnh, sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch vẫn chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh, chưa đủ để tác động có hiệu quả đến việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Việc xây dựng Đề án phát triển văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch giai đoạn 2017 - 2025 là rất cần thiết, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng trong nhiệm kỳ và tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa, Chiến lược phát triển thể dục thể thao, Chiến lược phát triển gia đình và Chiến lược phát triển du lịch của Chính phủ đến năm 2030, đồng thời cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X về phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn;
- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;
- Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 2244/QĐ-BVHTTDL ngày 27/6/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình hành động của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng;

- Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 07/6/2012 của Tỉnh ủy về phát triển văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 13/11/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”;

- Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 19/7/2016 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng;

- Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 11/7/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn;

- Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 14/8/2017 của Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2017;

- Chương trình hành động số 11-CTr/BCS ngày 12/4/2016 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X;

- Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Vai trò của hệ thống chính trị đối với sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch

Trong những năm gần đây, lãnh đạo tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch. Trong đó có một số văn bản quan trọng như sau:

- Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 07/6/2012 về phát triển văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 62-KH/TU ngày 26/4/2012 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2011-2015; Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 13/11/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 11/7/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn;

- UBND tỉnh đã ban hành và triển khai: Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2012 về việc triển khai thực hiện nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 04/9/2013 về thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ và Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 07/6/2012 của Tỉnh ủy về phát triển văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến 2020; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 07/4/2015 về thực hiện Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 13/11/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

- Hằng năm, UBND tỉnh đã xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác để chỉ đạo, điều hành các hoạt động về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã có nhiều chương trình phối hợp hằng năm với chính quyền để tổ chức tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân nhằm thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, gia đình và thể dục thể thao, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

2. Về phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch (đính kèm Phụ lục 1)

Trong giai đoạn 2011 - 2016, hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh; tiếp tục xây dựng nền văn hóa tiên tiến đi đôi với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; các giá trị văn hóa được gìn giữ và phát huy. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Nhiều phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đạt được những kết quả thiết thực. Nhiều di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị, đến nay toàn tỉnh có 4 di tích quốc gia đặc biệt, 10 di tích quốc gia, 15 di tích cấp tỉnh; nhiều lễ hội của đồng bào dân tộc S'tiêng, Mơ nông, Khmer được nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng và bảo tồn trong cộng đồng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh đã từng bước nâng cao về chất lượng, cuối năm 2016, có 93,57% gia đình đạt Gia đình văn hóa; 70,2% khu dân cư đạt Khu dân cư văn hóa; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Công tác quản lý nhà nước về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình bước đầu được quan tâm. Toàn tỉnh có 100% huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; có 851/861 thôn ấp, khu phố có nhà văn hóa, hội trường thôn, ấp đạt tỷ lệ 98,84%; 100% xã, phường, thị trấn có mặt bằng tập luyện thể dục thể thao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả "Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"; cuối năm 2016 có 28,4% số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 16,4% hộ gia đình thể thao. Thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư và có bước phát triển vượt bậc. Tham dự Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VII đạt 6 huy chương vàng, 11 huy chương bạc, 11 huy chương đồng, xếp thứ hạng 24/65 đoàn, tăng 8 bậc so với kỳ Đại hội lần thứ VI; Đội tuyển Bóng đá nam hoàn thành chỉ tiêu trụ hạng Nhất mùa bóng năm 2015 - 2016. Xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể dục thể thao ngày càng được mở rộng. Các dự án đầu tư xây dựng phát triển du lịch đã được khởi động và từng bước hoàn thiện đưa vào khai thác; các chỉ tiêu về du lịch giai đoạn 2011 - 2016 luôn tăng đều qua các năm.

3. Về kinh phí chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp giai đoạn 2011 - 2016: (đính kèm Phụ lục 2)

- Chi đầu tư: 291,526 tỷ đồng (trong đó ngân sách cấp tỉnh và trung ương: 291,526 tỷ đồng).

- Chi sự nghiệp: 385,259 tỷ đồng (trong đó ngân sách cấp tỉnh: 385,259 tỷ đồng).

4. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2011 - 2016: 25,287 tỷ đồng (đính kèm Phụ lục 3).

II. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

Đời sống văn hóa tinh thần ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới còn hạn chế; cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và người sử dụng lao động chưa quan tâm đúng mức đến đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân ở các khu

công nghiệp. Hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, gia đình chưa đủ sức để tác động có hiệu quả trong việc xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có nâng cao dần về chất lượng nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Còn thiếu các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị cao. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao còn thiếu, hiệu quả sử dụng thấp. Chưa xây dựng các thiết chế quan trọng của tỉnh trong lĩnh vực văn hóa, thể thao như: Công viên văn hóa tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng, Nhà thi đấu đa năng, Hồ bơi, Khán đài A sân vận động tỉnh. Chưa khai thác hết tiềm năng du lịch của tỉnh; các khu, điểm du lịch chưa có sự đầu tư đúng mức, chưa có sản phẩm đặc trưng để thu hút khách du lịch; chỉ tiêu lượt khách du lịch tăng bình quân hàng năm thấp hơn dự báo khoảng trên 7,3%; doanh thu tăng bình quân thấp hơn dự báo khoảng 17,6%.

2. Nguyên nhân:

2.1. Nguyên nhân khách quan:

Do tác động của mặt trái kinh tế thị trường, cùng với tình hình khủng hoảng tài chính, khủng hoảng chính trị, suy thoái kinh tế thế giới, tình hình căng thẳng ở biển Đông và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa đã tác động nhiều mặt đến hoạt động của lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực vẫn còn thiếu và còn nhiều bất cập. Cơ chế tài chính chậm đổi mới và chưa phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ đặt ra.

2.2. Nguyên nhân chủ quan:

Việc đầu tư phát triển hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao chưa đảm bảo đúng quy hoạch, cơ chế chính sách vẫn còn chưa phù hợp với nhu cầu. Chính sách thu hút nhân tài đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch chưa thực sự hiệu quả; chế độ đãi ngộ đối với một số hoạt động đặc thù chưa đúng mức. Việc phối hợp liên ngành cũng như sự phối hợp giữa các đơn vị trong ngành chưa chặt chẽ, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết và nhiệm vụ chính trị của ngành dẫn đến kết quả chưa cao. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được quan tâm, có cơ chế chính sách nhưng chưa thực sự hiệu quả; quản lý các hoạt động ngoài công lập còn hạn chế.

Phần thứ ba

PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2017 - 2025

A. MỤC TIÊU:

1. Lĩnh vực văn hóa, gia đình:

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Xây dựng gia

đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Tiếp tục tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh... Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

2. Lĩnh vực thể dục thể thao:

Đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao cả về quy mô và chất lượng. Tập trung phát triển mạnh mẽ thể dục thể thao cho mọi người, từng bước thực hiện chuyên nghiệp hóa thể thao thành tích cao nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao đời sống tinh thần nhân dân.

3. Lĩnh vực du lịch:

Tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành dịch vụ quan trọng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và quốc tế; hình thành và khai thác tuyến du lịch Việt Nam - Campuchia - Lào - Thái Lan.

B. NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

I. LĨNH VỰC VĂN HÓA, GIA ĐÌNH

1. Tuyên truyền cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị

- Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị; tham gia tốt các liên hoan khu vực và toàn quốc; quan tâm phát triển phong trào văn nghệ quần chúng ở cơ sở; tổ chức các hội thi, hội diễn, ngày hội văn hóa truyền thống các dân tộc để khai thác, phát huy giá trị truyền thống của địa phương, tạo điều kiện để mọi người dân được tham gia sáng tạo, phổ biến và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa. Phần đầu hàng năm tổ chức từ 500 buổi hoạt động tuyên truyền lưu động trở lên (cả cấp tỉnh và cấp huyện), thu hút khoảng 140.000 lượt người xem; tham gia từ 3 - 4 liên hoan khu vực và toàn quốc; tổ chức từ 2 - 3 liên hoan, hội thi, hội diễn.

- Tuyên truyền, cổ động, tập hợp công nhân xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất như "*Công nhân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*", "*Nghe công nhân hát, hát cho công nhân nghe*"... kip thời ngăn chặn các sản phẩm văn hóa độc hại, thông tin sai trái tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của công nhân lao động. Phần đầu đến năm 2020, có 70% công nhân và người sử dụng lao động ở các khu công nghiệp được phổ biến pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa; 50% công nhân lao động tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Đến năm 2025, có 90% công nhân và người sử dụng lao động ở các khu công nghiệp được phổ biến pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa; 70% công nhân lao động tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ.

2. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hóa; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ, khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân tham gia vào công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ di sản văn hóa dân tộc.

Xây dựng Nhà truyền thống ở các huyện, thị xã. Phần đầu đến năm 2020 có 50% và đến năm 2025 có 80% các huyện, thị xã có Nhà truyền thống. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích, đến năm 2020 có 70% và đến năm 2025 có 90% các di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo; đến 2020 có 70% và năm 2025 có 85% di tích, danh thắng cấp tỉnh được tu bổ, tôn tạo. Phần đầu đến năm 2025 hoàn thiện thiết chế Bảo tàng tỉnh và Bảo tàng Cao su.

Phần đầu xây dựng hoàn thiện và đưa vào hoạt động để phát huy hiệu quả giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam và Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tieng Sok Bom Bo. Hằng năm tổ chức Lễ hội văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh, nhất là các dân tộc có lịch sử sinh sống lâu đời trên địa bàn tỉnh. Duy trì tổ chức thường xuyên Liên hoan văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước định kỳ 2 năm một lần.

Phần đầu, đến năm 2020 có 50% và đến năm 2025 có 70% số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở địa phương được lập hồ sơ khoa học để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đến năm 2020 có 20% và đến năm 2025 có 40% các di tích thuộc Danh mục kiểm kê di tích của tỉnh được lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng.

3. Xây dựng con người, lối sống văn hóa

Xây dựng tiêu chí và từng bước đưa các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam ở Bình Phước vào cuộc sống; củng cố ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước; ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức xã hội. Thực hiện Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, trước hết là xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước, trong doanh nghiệp với ý thức thượng tôn pháp luật, giữ gìn chữ tín.

4. Xây dựng gia đình văn hóa, đời sống văn hóa và môi trường văn hóa

Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn. Chỉ tiêu đến năm 2020:

- Phần đầu đạt 80% trở lên gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 60% thôn, ấp, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, ấp văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; 80% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, 50% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 50% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 50% doanh nghiệp trong các khu công nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- Phần đầu đạt 70% xã, phường, thị trấn nhân rộng mô hình phòng chống bạo lực gia đình; 95% hộ gia đình được phổ biến, tuyên truyền và cam kết thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác gia đình; 64% thôn, ấp có câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững; không có gia đình có người kết hôn dưới tuổi pháp luật quy định.

Từ năm 2021 - 2025 duy trì giữ vững các tỉ lệ đạt được và tập trung nâng cao chất lượng phong trào.

5. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa

Xây dựng, hoàn thiện, củng cố hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là Công viên văn hóa tỉnh, là trung tâm vui chơi giải trí cho nhân dân. Tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động theo nguyên tắc chuyên nghiệp hóa tất cả các bộ phận trong cơ cấu của một thiết chế văn hóa.

Phần đầu đến năm 2020 có 100% huyện, thị xã có thiết chế Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 85% xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 95,5% số thôn, ấp có Nhà văn hóa và khu thể thao; 100% khu công nghiệp có thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân.

Phần đầu đến năm 2025 có 100% số xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 100% số thôn, ấp có Nhà văn hóa và khu thể thao.

6. Thư viện

Đổi mới phương thức hoạt động phục vụ bạn đọc ở các thư viện theo hướng ứng dụng công nghệ tin học nhằm, hiện đại hóa các khâu hoạt động của thư viện, tạo sự liên kết giữa các thư viện trong Liên hiệp khu vực miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung Bộ để khai thác vốn tài liệu phong phú, đa dạng ở các thư viện. Đồng thời, tăng cường luân chuyển sách nhằm phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và công nhân tại các khu công nghiệp.

Phần đầu đến năm 2020, hệ thống thư viện công cộng đạt 0,3 bản sách trên mỗi người dân; 70% số tài liệu quý hiếm, tài liệu địa chí trong Thư viện tỉnh được số hóa; đầu tư trang bị xe thư viện lưu động cho Thư viện tỉnh; tập trung đầu tư xây dựng thư viện các huyện, thị xã, 100% số huyện, thị xã có thư viện; trong đó có 30% thư viện huyện, thị xã trở thành thiết chế độc lập trực thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin hoặc UBND huyện, thị xã; 15% thư viện cấp xã được thành lập trực thuộc UBND cấp xã.

Phần đầu đến năm 2025 hoàn chỉnh thiết chế Thư viện tỉnh, hệ thống thư viện công cộng đạt 0,4 bản sách trên mỗi người dân; 85% số tài liệu quý hiếm trong thư viện cấp tỉnh được số hóa; 70% thư viện huyện, thị xã trở thành thiết chế độc lập trực thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin hoặc UBND huyện, thị xã; 50% thư viện cấp xã được thành lập trực thuộc UBND cấp xã.

7. Nghệ thuật biểu diễn

Phát triển nghệ thuật biểu diễn theo định hướng ưu tiên giữ gìn và phát huy các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Đổi tên Đoàn Ca múa nhạc tổng

hợp tỉnh thành Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh, tiến tới thành lập Nhà hát dân tộc tỉnh với các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gồm:

- Xây dựng cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, chất lượng.
- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đoàn Ca múa nhạc tổng hợp trở thành Nhà hát dân tộc tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động, thu hút tài trợ đảm bảo một phần kinh phí hoạt động.

Phân đầu hằng năm thực hiện từ 100 suất diễn trở lên, thu hút từ 60.000 lượt người xem trở lên.

8. Điện ảnh

Thực hiện Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh về phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; tổ chức xây dựng quy hoạch, bố trí quỹ đất, kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng rạp chiếu bóng ở các trung tâm thị xã; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật các rạp, các đội chiếu bóng lưu động, nâng cao chất lượng phục vụ người xem, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng biên giới và khu công nghiệp tập trung. Phân đầu đến năm 2020 có 03 rạp chiếu bóng; hằng năm thực hiện từ 500 buổi chiếu bóng trở lên, thu hút khoảng 50.000 lượt người xem.

9. Giải pháp thực hiện

- Nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, nâng cao hoạt động quản lý nhà nước nhằm khai thác tốt công năng và hiệu quả các thiết chế văn hóa từ cấp tỉnh đến cơ sở.

- Thực hiện tốt, có hiệu quả các đề án, kế hoạch, quy hoạch, chương trình hành động của các cấp từ Trung ương đến địa phương đã được phê duyệt và triển khai theo lộ trình.

- Củng cố và kiện toàn các Ban Vận động Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Ban Vận động Cuộc vận động “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”; “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, cổ động trực quan bằng nhiều hình thức như xây dựng pano tuyên truyền, tờ rơi, áp phích, tuyên truyền trên báo, đài phát thanh...; nêu gương điển hình người tốt, việc tốt; tập trung tuyên truyền các khu dân cư, các thôn ấp thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện tốt Hương ước, Quy ước ở khu dân cư.

- Đẩy mạnh cuộc vận động nhân dân đoàn kết giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng “Nếp sống văn minh đô thị”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Các địa phương tiếp tục tổ chức tốt kế hoạch “Xây dựng khu dân cư điểm”, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu của cuộc vận động ở khu dân cư trong năm 2017 và những năm tiếp theo, làm cơ sở để xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”; “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.

- Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng môi trường văn hóa tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư và Kế hoạch số 50-KH/TU của Tỉnh ủy “Về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”; Công văn số 351-CV/TU ngày 12/5/2016 của Tỉnh ủy về tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư (Khóa IX). Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với ngành Y tế, Chi cục Dân số xây dựng, củng cố mạng lưới cộng tác viên dân số và gia đình nhằm tăng cường hiệu quả tuyên truyền vận động và xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình, phục vụ công tác nghiên cứu và hoạch định chính sách về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ các cấp; ưu tiên đào tạo cán bộ cơ sở, cán bộ là người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng mức đầu tư cho văn hóa, thể dục thể thao giai đoạn 2017 - 2025 với tỷ lệ từ 2% - 3% tổng chi ngân sách. Sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách đầu tư, ưu tiên đầu tư cho vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các loại hình nghệ thuật truyền thống, di sản văn hóa phi vật thể và các di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh đang xuống cấp.

- Có chính sách thu hút, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh, trưng dụng người tài trong lĩnh vực văn hóa.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa nhằm huy động nguồn lực của các cá nhân, tổ chức trong tỉnh, ngoài tỉnh cho phát triển văn hóa.

II. LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO

1. Thể dục, thể thao cho mọi người:

1.1. Nhiệm vụ

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam. Củng cố và tăng cường quản lý hệ thống thiết chế về các mô hình thể dục thể thao cho mọi người.

- Khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển thể dục thể thao cho mọi người; khai thác tốt việc kinh doanh, quảng cáo trong hoạt

động thể dục thể thao. Khuyến khích phát triển và khai thác tốt ở lĩnh vực thể thao giải trí, thể thao mạo hiểm, kinh doanh dịch vụ thể thao gắn với hoạt động văn hóa, du lịch, chữa bệnh.

- Tăng cường đưa các hoạt động thể dục thể thao về cơ sở để các huyện, thị xã có điều kiện đăng cai tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh, xây dựng các công trình thể thao tại các địa phương nhằm phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe của nhân dân trên toàn tỉnh.

- Phát triển hệ thống các câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở trong trường học, lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức, người lao động. Tăng cường sự phối hợp hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang và thực hiện tốt công tác giáo dục thể chất trong trường học. Tăng cường quản lý các loại hình kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao.

1.2. Các chỉ tiêu phát triển

- Phân đầu đến năm 2020: Đạt 32,9% số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; 21% số gia đình thể thao; duy trì 100% số trường học phổ thông thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa; 90% số trường học phổ thông thực hiện hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa; 98% số học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định; 99% cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực; 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các hoạt động thể dục thể thao; 50% công nhân lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao; thành lập từ 3 - 4 liên đoàn thể thao cấp tỉnh; mỗi xã, phường, thị trấn đều phải có câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở; 100% các huyện, thị xã có nhà thi đấu thể dục thể thao đa năng, hồ bơi và sân vận động. Hoàn thiện các thiết chế thể dục thể thao cấp tỉnh, gồm: Nhà thi đấu đa năng, Hồ bơi, Khán đài A sân vận động tỉnh.

- Phân đầu đến năm 2025: Đạt 38% số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; 26% số gia đình thể thao; 70% công nhân lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao; các chỉ tiêu khác duy trì tỉ lệ đạt được năm 2020 và tập trung nâng cao chất lượng hoạt động.

1.3. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn viên thể dục thể thao ở cơ sở.

- Nâng cao chất lượng dạy và học thể dục chính khóa; phát triển hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa trong trường học và thành lập hệ thống các câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở trong trường học.

- Hoàn thiện các công trình thể thao cơ bản, cần thiết để phục vụ tốt cho công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên thành tích cao.

- Tập trung hướng dẫn, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thành lập các liên đoàn và các câu lạc bộ thể thao cơ sở để đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao trên toàn tỉnh.

2. Thể thao thành tích cao:

2.1. Nhiệm vụ

Tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao thể mạnh của tỉnh, tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có, huấn luyện và đào tạo những vận động viên có khả năng đạt huy chương tại các kỳ Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, SEA Games và hướng đến ASIAD.

2.2. Các chỉ tiêu phát triển

- Phát triển, duy trì và giữ vững vị trí ở thứ hạng 30 - 20 tại các kỳ Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc; hằng năm, duy trì Đội bóng đá tỉnh trụ hạng Nhất Quốc gia.

- Hằng năm, đóng góp từ 15 đến 20 vận động viên cho đội tuyển quốc gia ở các tuyến; đạt huy chương tại các kỳ SEA Games và phấn đấu cung cấp vận động viên cho đội tuyển quốc gia tham dự ASIAD.

2.3. Giải pháp thực hiện

- Xây dựng đề án xác định từ 1 - 3 môn thể thao mũi nhọn và 5 - 10 môn thể thao thể mạnh của tỉnh để đầu tư chuyên biệt trong thời gian tới.

- Tập trung hoàn thiện các công trình thể thao phục vụ cho việc tập luyện và thi đấu đỉnh cao.

- Đăng cai tổ chức các giải thể thao quốc gia, khu vực và quốc tế để nâng cao năng lực tổ chức và tiếp cận với trình độ huấn luyện, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao.

- Đăng cai tổ chức các lớp tập huấn do Trung ương ủy quyền.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học trong công tác tuyển chọn và huấn luyện vận động viên thành tích cao.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực các cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao các cấp; đặc biệt là năng lực triển khai thực hiện các chính sách, kế hoạch thể dục thể thao. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phân cấp quản lý thể dục thể thao.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập câu lạc bộ và tổ chức các giải thể thao chuyên nghiệp, tài trợ và kinh doanh dịch vụ thi đấu thể thao chuyên nghiệp; thúc đẩy phát triển mô hình xã hội hóa trong lĩnh vực thể thao; thành lập các liên đoàn - hiệp hội thể dục, thể thao.

- Có lộ trình thực hiện xã hội hóa các hoạt động của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; từng bước tiến tới tự chủ 5 - 10% tổng chi hoạt động của Trung tâm vào năm 2025.

III. LĨNH VỰC DU LỊCH

1. Nhiệm vụ

- Tạo hình ảnh điểm đến, thương hiệu du lịch mang nét đặc trưng của Bình Phước; phát triển theo hướng du lịch sinh thái, tâm linh, về nguồn và văn hóa, nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị tài nguyên du lịch truyền thống.

- Giữ gìn, khai thác và phát huy tài nguyên du lịch tự nhiên, nhân văn; xây dựng sản phẩm du lịch, điểm đến du lịch thân thiện, bền vững, có chất lượng, đáp ứng nhu cầu du khách trong nước và quốc tế.

- Phát triển du lịch Bình Phước đến năm 2025 là điểm đến của khu vực miền Đông Nam Bộ với Cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư đón khách du lịch của 3 nước Đông Dương, có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Chỉ tiêu về lượt khách, doanh thu

- Tổng lượng khách đến tỉnh năm 2015 là 226.000 lượt, năm 2020 dự kiến đạt 1.000.000 lượt, đến năm 2025 là 1.500.000 lượt.

- Tốc độ tăng trưởng khách du lịch giai đoạn 2015 - 2020 ước tính là 34,64%/năm; đoạn 2020 - 2025 ước tính là 8,45%/năm.

- Doanh thu du lịch năm 2015 là 210 tỷ đồng, đến năm 2020 dự kiến đạt 1.000 tỷ đồng, đến năm 2025 dự kiến đạt 1.650 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng về doanh thu du lịch giai đoạn 2015 - 2020 ước tính là 36,63%/năm; giai đoạn 2020 - 2025 ước tính là 10,53%/năm.

3. Chỉ tiêu về lao động

Phát triển du lịch tạo việc làm cho xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông - lâm - ngư nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc tại Bình Phước. Giai đoạn 2017 - 2020 cần giải quyết được khoảng 12.600 việc làm có liên quan đến ngành du lịch. Trong đó có 4.200 lao động trực tiếp và 8.400 lao động gián tiếp. Đào tạo lao động chuyên nghiệp trong lĩnh vực du lịch. Giai đoạn 2020 - 2025 cần giải quyết được khoảng 15.000 việc làm có liên quan đến ngành du lịch. Trong đó có 5.000 lao động trực tiếp và 10.000 lao động gián tiếp.

4. Chỉ tiêu về sản phẩm du lịch

- Phát triển sản phẩm du lịch tâm linh tại núi Bà Rá, thị xã Phước Long.

- Phát triển sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng tại Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo, xã Lộc Khánh - Lộc Ninh (dự án ADB).

- Phát triển sản phẩm du lịch về nguồn tại Di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

5. Giải pháp thực hiện

5.1. Tập trung phát triển nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo cán bộ quản lý du lịch, đội ngũ hướng dẫn viên và nhân sự hoạt động trong lĩnh vực du lịch tại các doanh nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; hằng năm, tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực du lịch, làm cơ sở để xác định nhu cầu, định hướng đào tạo đúng ngành nghề, đảm bảo yêu cầu phát triển du lịch của tỉnh. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng

cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch cho phù hợp. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch trong và ngoài nước. Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp du lịch trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch. Phân công cụ thể cán bộ quản lý về du lịch ở các huyện, thị xã.

5.2. Xây dựng các chính sách

Xây dựng chính sách ưu đãi về hoạt động du lịch. Về chính sách thuế, ưu tiên, miễn giảm đối với các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án mới theo quy định hiện hành, các công ty lữ hành, lưu trú. Thành lập Hiệp hội du lịch tỉnh, Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ nhằm hỗ trợ kinh phí thực hiện một số chương trình, dự án cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh.

5.3. Xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch

- Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm du lịch theo vùng đến năm 2025. Lựa chọn trung tâm phát triển du lịch là Di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) và khu di tích lịch sử danh thắng núi Bà Rá - Thác Mơ.

- Tổ chức quy hoạch hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng; Rà soát lại quỹ đất tại thị xã Đồng Xoài, xây dựng một nhà hàng chuyên kinh doanh về các món đặc sản dân tộc Bình Phước, khuyến khích việc trang trí và phục vụ các món ăn theo phong cách riêng gắn liền với các đặc sản của tỉnh.

- Tổ chức rà soát, đánh giá các thương hiệu đặc sản của tỉnh, làm cơ sở xây dựng chính sách hỗ trợ và phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ.

- Hoàn thiện giai đoạn I và đưa vào khai thác Khu quần thể văn hóa - cứu sinh núi Bà Rá.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Bù Gia Mập.

- Hoàn thiện các công trình cơ bản tại Khu du lịch Hồ Suối Cam.

- Hoàn thiện hệ thống sản phẩm du lịch tại Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo; Trảng cỏ Bù Lạch; Khu di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết)

5.4. Xây dựng các tuyến, điểm du lịch:

- Xây dựng tuyến Quốc lộ 14, lấy thị xã Đồng Xoài là trung tâm phát triển với các dự án: Khu du lịch Hồ Suối Cam, Tượng đài chiến thắng Đồng Xoài, Khu Bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo, Khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch.

- Xây dựng tuyến Quốc lộ 13 qua Cửa khẩu quốc tế Hoa Lư, thị xã Bình Long với các dự án du lịch trọng điểm quốc gia: Di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) và các di tích

lịch sử trên Quốc lộ 13 như: Địa điểm Chiến thắng chốt chặn Tàu Ô, Di tích lịch sử Mộ 3.000 người . . .

- Xây dựng tuyến Tỉnh lộ 741 là hướng phát triển tạo khả năng kết nối giữa khu vực thị xã Đồng Xoài với thị xã Phước Long, huyện Bù Gia Mập (khu tâm linh núi Bà Rá, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập)

- Phát triển tuyến du lịch quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Phước - Campuchia - Lào - Thái Lan qua cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.

5.5. Huy động các nguồn vốn đầu tư

- Đảm bảo từ 10 - 20% trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đầu tư cho cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, hỗ trợ giải tỏa, đền bù, xây dựng quy hoạch.

- Huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, địa phương và các tổ chức xã hội khác để đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã đề ra.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng, vốn tín dụng nhà nước để đầu tư nâng cấp, mở rộng dự án du lịch, hạ tầng du lịch để phục vụ hoạt động du lịch.

- Hỗ trợ đào tạo làm du lịch, hỗ trợ tiêu thụ để chuyển đổi sản xuất, sản phẩm phục vụ khách du lịch cho cư dân trong khu du lịch.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã cần có kế hoạch cụ thể về vốn cho phát triển du lịch tại địa phương mình.

IV. CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2025

(Đính kèm Phụ lục 4)

1. Tổng kinh phí chi đầu tư: Giai đoạn 2016 - 2020 là **1.884,042** tỷ đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách trung ương: 316,558 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương: 342,300 tỷ đồng.

- Nguồn vốn xã hội hóa: 1.225,184 tỷ đồng.

2. Tổng kinh phí chi đầu tư: Giai đoạn 2021 - 2025 là **739,896** tỷ đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương: 320 tỷ đồng.

- Nguồn vốn xã hội hóa: 419,896 tỷ đồng.

3. Kinh phí chi phát triển sự nghiệp:

Tùy vào tình hình thu ngân sách hằng năm, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chi sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch hằng năm.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các vụ, tổng cục, cục chức năng trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã để triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tổ chức sơ kết vào năm 2020 và tổng kết vào năm 2025.

2. Các sở, ban, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các mục tiêu của Đề án; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của địa phương.

2.1. Sở Nội vụ: Tham mưu UBND tỉnh sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phù hợp với quy định của pháp luật; tổ chức sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng tự chủ về tài chính; thành lập các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án thuộc Đề án theo quy định; lồng ghép các chỉ tiêu về phát triển văn hóa, thể thao và du lịch vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh.

2.3. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch của tỉnh.

2.4. Sở Xây dựng: Tham mưu UBND tỉnh thẩm định quy hoạch xây dựng các công trình văn hóa, thể thao và du lịch thuộc thẩm quyền.

2.5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch sử dụng đất cho các dự án, công trình văn hóa, thể thao và du lịch; hướng dẫn lập hồ sơ môi trường đối với các dự án, công trình văn hóa, thể thao và du lịch.

2.6. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục thể thao và thể thao trường học; phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc huy động nguồn nhân lực, tổ chức các hội thi, hội diễn văn hóa, giải thể thao học sinh, Hội khỏe Phù Đổng; phối hợp tổ chức các lớp năng khiếu về văn hóa, thể dục thể thao trong nhà trường; chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục thể chất, đảm bảo chỉ tiêu chất lượng đề ra.

2.7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó lồng ghép để thực hiện xây dựng văn hóa nông thôn (theo tiêu chí số 6 và tiêu chí số 16).

2.8. Sở Y tế: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2015 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

2.9. Sở Thông tin và Truyền thông: Định hướng các cơ quan báo chí tuyên truyền về Đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.10. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng các đề tài nghiên cứu và hỗ trợ phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ theo Quy hoạch ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được phê duyệt.

2.11. Sở Giao thông vận tải: Tham mưu UBND tỉnh trong việc triển khai đầu tư xây dựng các công trình giao thông phục vụ cho sự nghiệp phát triển văn hóa, thể thao và du lịch.

3. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp ký kết và triển khai có hiệu quả các chương trình liên tịch theo từng giai đoạn để phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch của tỉnh.

4. UBND các huyện, thị xã: Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án này.

5. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc: Chủ động phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn cho hệ thống của tổ chức mình và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân tích cực tham gia Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và Cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt”.

Phần thứ năm

KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

I. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- **Về cơ chế, chính sách:** Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có hướng dẫn cụ thể về cơ cấu tổ chức của các Ban Quản lý di tích cấp tỉnh, thành phố để Ban Quản lý di tích tỉnh căn cứ thực hiện; hỗ trợ tổ chức Hội thảo phát triển sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh (đẩy mạnh giới thiệu khai thác tour, tuyến du lịch quốc tế Việt Nam - Campuchia - Lào - Thái Lan qua Cửa khẩu Hoa Lư).

- **Về kinh phí đầu tư:** Đề nghị đầu tư kinh phí bảo tồn, tu bổ đối với các di tích: Phục dựng điểm di tích quốc gia đặc biệt Điểm cuối đường ống dẫn xăng dầu VK96, mức kinh phí dự kiến thực hiện: 10 tỷ đồng; xây dựng nhà trưng bày

tại di tích Bồn xăng kho nhiên liệu VK98, mức kinh phí dự kiến thực hiện: 03 tỷ đồng; sửa chữa, tu bổ di tích Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1973 - 1975, kinh phí dự kiến thực hiện: 12 tỷ đồng; phục dựng di tích quốc gia Bồn xăng, kho nhiên liệu VK99, kinh phí dự kiến thực hiện: 07 tỷ đồng; đầu tư kinh phí còn lại (6,4 tỷ đồng) trong dự án di tích quốc gia Một tập thể 3.000 người (theo Thông báo kết luận số 2527/TB-BVHTTDL ngày 31/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hoàng Tuấn Anh); kinh phí xây dựng nhà thi đấu đa năng: 200 tỷ đồng.

- Về đầu tư phương tiện vận chuyển và trang thiết bị:

Đề nghị đầu tư 01 xe ô tô chuyên dụng phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, mức kinh phí đầu tư khoảng 01 tỷ đồng; đầu tư 01 xe ô tô tải chuyên dụng phục vụ công tác luân chuyển sách và phục vụ lưu động của hoạt động thư viện, mức kinh phí đầu tư khoảng 1,2 tỷ đồng; đầu tư 01 xe ô tô tải 8 tấn chuyên chở âm thanh, ánh sáng, sân khấu, cảnh trí khi đi biểu diễn cho Đoàn Ca múa nhạc tổng hợp, mức kinh phí đầu tư khoảng 1,2 tỷ đồng; đầu tư 01 hệ thống âm thanh, ánh sáng lắp đặt cố định trong hội trường 700 chỗ ngồi của Hội trường Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh, mức kinh phí đầu tư khoảng 6 tỷ đồng.

- Đầu tư kinh phí xúc tiến, quảng bá du lịch, đào tạo nghề: Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đầu tư kinh phí cho tỉnh Bình Phước triển khai một số nội dung trọng điểm về xúc tiến, quảng bá du lịch, đào tạo nghề... theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 18/2/2013 về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về du lịch giai đoạn 2013-2020. Tổng kinh phí hằng năm khoảng 520.000.000 đồng. Nguồn kinh phí: Đề nghị được bố trí từ nguồn vốn xúc tiến du lịch do Tổng Cục du lịch quản lý và phân bổ hằng năm. Nâng điểm Khu di tích danh lam thắng cảnh Bà Rá và Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bóm Bóm, Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam - Tà Thiết thành điểm du lịch quốc gia.

2. Kiến nghị Tỉnh ủy:

Chỉ đạo toàn hệ thống chính trị của tỉnh tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 07/6/2012 của Tỉnh ủy về phát triển văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 13/11/2014 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) "Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước".

3. Kiến nghị Hội đồng nhân dân:

Xem xét thông qua Đề án phát triển thể dục thể thao cho mọi người trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018 - 2025; thông qua chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực du lịch của tỉnh Bình Phước.

KẾT LUẬN

Đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017 - 2025 được xây dựng trên cơ sở thực trạng, tiềm năng và nhu cầu phát triển của tỉnh, nhằm góp phần tạo dựng một xã hội ổn định, phát triển bền vững trên nền tảng văn hóa. Đề án được triển khai là cơ sở để đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh; tạo động lực cho sự sáng tạo và góp phần phát triển kinh tế, tăng thu ngân sách địa phương; cải thiện điều kiện và môi trường sống lành mạnh, an toàn, đồng thời hòa nhập với khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam./.

CHỦ TỊCH

CHAPTER 1

The first part of the book is devoted to a discussion of the basic concepts of the theory of functions of a complex variable. It begins with a review of the properties of the complex numbers and the complex plane. The next section discusses the concept of a function of a complex variable and the conditions for a function to be analytic. The third section deals with the power series expansion of an analytic function and the concept of a branch point. The fourth section discusses the concept of a residue and the residue theorem. The fifth section deals with the integration of functions of a complex variable and the concept of a contour integral. The sixth section discusses the concept of a conformal mapping and the Riemann mapping theorem. The seventh section deals with the concept of a harmonic function and the Dirichlet problem. The eighth section discusses the concept of a bilinear transformation and the Schwarz lemma. The ninth section deals with the concept of a meromorphic function and the concept of a pole. The tenth section discusses the concept of a function of several complex variables and the concept of a holomorphic function. The eleventh section deals with the concept of a differential form and the concept of a closed form. The twelfth section discusses the concept of a Riemann surface and the concept of a sheet. The thirteenth section deals with the concept of a covering space and the concept of a universal covering space. The fourteenth section discusses the concept of a fundamental group and the concept of a homomorphism. The fifteenth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a kernel. The sixteenth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a range. The seventeenth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a quotient group. The eighteenth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a normal subgroup. The nineteenth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a factor group. The twentieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a direct product. The twenty-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a direct sum. The twenty-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a tensor product. The twenty-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a dual space. The twenty-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a adjoint operator. The twenty-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a spectral theorem. The twenty-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a Hilbert space. The twenty-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Banach space. The twenty-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a normed space. The twenty-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a metric space. The thirtieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a topological space. The thirty-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a compact space. The thirty-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a connected space. The thirty-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Hausdorff space. The thirty-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a separable space. The thirty-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a complete space. The thirty-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a reflexive space. The thirty-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a weak topology. The thirty-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a weak* topology. The thirty-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a dual space. The fortieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a adjoint operator. The forty-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a spectral theorem. The forty-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a Hilbert space. The forty-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Banach space. The forty-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a normed space. The forty-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a metric space. The forty-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a topological space. The forty-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a compact space. The forty-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a connected space. The forty-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Hausdorff space. The fiftieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a separable space. The fifty-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a complete space. The fifty-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a reflexive space. The fifty-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a weak topology. The fifty-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a weak* topology. The fifty-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a dual space. The fifty-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a adjoint operator. The fifty-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a spectral theorem. The fifty-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a Hilbert space. The fifty-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Banach space. The sixtieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a normed space. The sixty-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a metric space. The sixty-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a topological space. The sixty-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a compact space. The sixty-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a connected space. The sixty-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Hausdorff space. The sixty-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a separable space. The sixty-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a complete space. The sixty-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a reflexive space. The sixty-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a weak topology. The seventieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a weak* topology. The seventy-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a dual space. The seventy-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a adjoint operator. The seventy-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a spectral theorem. The seventy-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a Hilbert space. The seventy-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Banach space. The seventy-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a normed space. The seventy-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a metric space. The seventy-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a topological space. The seventy-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a compact space. The eightieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a connected space. The eighty-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Hausdorff space. The eighty-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a separable space. The eighty-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a complete space. The eighty-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a reflexive space. The eighty-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a weak topology. The eighty-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a weak* topology. The eighty-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a dual space. The eighty-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a adjoint operator. The eighty-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a spectral theorem. The ninetieth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a Hilbert space. The ninety-first section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Banach space. The ninety-second section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a normed space. The ninety-third section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a metric space. The ninety-fourth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a topological space. The ninety-fifth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a compact space. The ninety-sixth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a connected space. The ninety-seventh section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a Hausdorff space. The ninety-eighth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a separable space. The ninety-ninth section deals with the concept of a homomorphism and the concept of a complete space. The hundredth section discusses the concept of a homomorphism and the concept of a reflexive space.

THE END OF THE FIRST PART

CHAPTER 2

TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

TT	Nội dung chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			2016	
			Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ %		
1	Hoạt động Bảo tàng, Di tích																		
	Nhà bảo tàng, nhà truyền thống	Nhà	11	11	100	11	11	100	11	11	100	11	11	100	11	11	100		
	Hiện vật	Hiện vật				11.850	12.108	102	12.150	12.500	103	12.351	12.760	103	12.401	12.502	101	12.461	
	Di tích lịch sử văn hóa	Di tích	15	15	100	17	18	105	20	21	105	23	24	104	26	27	103	28	
	Tu bổ di tích	Di tích	2	2	100				2	2	100	3	3	100	3	5	167	5	
2	Khách tham quan các di tích	Người		24.000		18.500	18.743	101		49.997		19.000	36.611	193	19.000	20.521	108	60.250	
	Hoạt động Đoàn Ca múa nhạc																	86.125	
	Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	Đoàn	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	1	100	1	
	Số buổi biểu diễn	Buổi	90	80	89	83	83	100	85	85	100	85	100	85	107	126	90	95	
	Số người xem	Người		43.800		49.500	49.500	100		85.700		50.000	58.000	116	50.000	59.800	120	53.500	
3	Hoạt động Trung tâm Văn hóa																		
	Trung tâm văn hóa	Tr. tâm	09	09	100	10	10	100	10	10	100	10	11	111	11	11	100	11	
	Tổng số CLB văn hóa	CLB	10	10		13	21	161	18	18	100	6	6	100	6	6	100	6	
	Tổng số đội TLLĐ	Đội	09	11	122	11	11	100	11	11	100	11	11	100	11	11	100	11	
	Tổng số buổi TLLĐ	Buổi	60	63	105	60	60	100	100	108	108	100	111	111	100	105	105	100	
4	Hoạt động Trung tâm PHPCB																		
	Đội chữa bóng	Đội	05	06	120	6	6	100	6	6	100	6	6	100	6	6	100	6	
	Tổng số buổi chiếu	Buổi	750	775	103	850	850	100	900	909	101	900	900	100	900	969	108	900	
	Tổng số người xem	Người		80.000		100.000	100.00	100	105300	78.000	78	105300	106393	101	105500	125685	119	105500	
5	Hoạt động Thư viện																		
	Tổng số thư viện	TV/ien	8	8	100	10	10	100	10	10	100	10	10	100	10	10	100	10	
	Tổng số sách có trong TV	Sản		83.000		86.400	86.400	100	93070	103331	111	98.670	145.668	148	102670	151716	148	145883	
	Tổng số báo, tạp chí có trong TV	Tờ		384500		386000	386000	100	405300	405300	100	415740	420960	102	420740	424060	108	431760	
6	Phong trào TĐĐKXD ĐSVH																		
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%		90,4	92,3	102	85	60	60	85	90,8	107	85,5	91,4	107	85,5	92,4	108	
	Tỷ lệ khu dân cư đạt danh hiệu "Khu dân cư văn hóa"	%		50	60,2	120	20	40	200	20,5	50,3	245	20,5	65,9	321	20,5	64,2	313	
	Tỷ lệ "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"	%		98	97,6	99,6	98	98	100	98	98	100	98	98,7	101	98	98,7	106	
7	Hoạt động gia đình																		
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình	%		50	50	100	63	63	100	63	63	100	41	41	100	41	41	100	
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Câu lạc bộ gia đình phát triển	%		100	50	50	63	63	100	63	63	100	27	27	100	27	27	100	
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục đời sống gia đình	%		100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	

PHỤ LỤC 2

KINH PHÍ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

STT	Nội dung	Tổng số	ĐVT: Triệu đồng					
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Chi đầu tư:	291.526	12.731	37.573	40.164	45.000	56.700	99.358
	NS tỉnh, TW		12.731	37.573	40.164	45.000	56.700	99.358
II	Chi sự nghiệp	385.259	32.052	44.847	52.719	72.539	91.098	92.004
	NS tỉnh	385.259	32.052	44.847	52.719	72.539	91.098	92.004
	Văn hóa	43.189	3.818	5.222	7.389	7.750	8.254	10.756
	Phát hành phim và chiếu bóng	15.974	1.720	1.825	2.353	2.722	3.417	3.937
	Thể dục thể thao	190.164	11.772	19.505	26.081	38.633	48.237	45.936
	Đoàn Ca múa nhạc tổng hợp	18.406	1.954	2.283	1.468	3.114	5.624	3.963
	Thư viện	14.028	1.320	2.049	2.052	2.106	2.845	3.656
	Bảo tàng	14.165	1.479	1.945	1.806	2.440	3.170	3.325
	Quản lý di tích	13.498	913	1.512	1.808	2.284	2.728	4.253
	Quản lý nhà nước (VP Sở)	76.015	9.076	10.506	9.762	13.490	16.823	16.358

PHỤ LỤC 3
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CTMT QUỐC GIA VỀ VĂN HÓA
Giai đoạn 2011 - 2016

Số TT	Nội dung chương trình	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Dự án chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích	3.215	4.000	5.600	1.000	2.150	
	- Trưng tu Căn cứ Bộ Chỉ huy Miền Tà Thiết, Lộc Ninh.	1.200		1.000			
	- Trưng tu Bùn xăng VK98 Lộc Quang	2.015					
	- Trưng tu nâng cấp Mộ tập thể 3.000 người - Bình Long		3.000	4.600	1.000	1.450	
	- Trưng tu Sân bay Quân sự Lộc Ninh		1.000				
	- Tu bổ, tôn tạo di tích Trụ sở Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam					700	
2	Dự án sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc Việt Nam	350	400	400	0	0	21
	- Ứng xử môi trường tự nhiên của dân tộc S'tiêng truyền thống và hiện đại.	200					
	- Phục dựng lễ hội Phá Bàu của người dân tộc Khome Paven Bình Phước	150					
	- Tổng điều tra văn hóa phi vật thể dân tộc Khome Bình Phước		200				
	- Phục dựng lễ hội lập làng mới của dân tộc S'tiêng.		200				
	- Nghiên cứu, khảo sát và định dạng âm nhạc của dân tộc S'tiêng Bình Phước.			200			
	- Phục dựng lễ hội xuống đồng của dân tộc Khome Bình Phước.			200			
	- Sưu tầm công chiêng						21
3	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa-thông tin các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.	968	2.871	1.740	880	949	35
	- Cấp sách cho Thư Viện tỉnh	150					35
	- Cấp sách cho Thư Viện huyện, thị	250	300	400	350	400	

ĐVT: Triệu đồng

	- Hỗ trợ xây dựng Trung tâm VH-TT xã		250	300			
	- Hỗ trợ xây dựng khu VH-TT thôn, ấp		350	300			
	- Hỗ trợ trang thiết bị cho các Trung tâm Văn hóa huyện, xã và thôn, ấp, các Đội TTLĐ tuyên truyền chính trị (ưu tiên các xã điểm xây dựng nông thôn mới).	568	471	740	530	549	
	- Trang bị xe TTLĐ tổng hợp cho các huyện vùng sâu, vùng xa.		1.500				
4	Dự án hỗ trợ phát triển hệ thống vui chơi, giải trí cho trẻ em	0	500				
	Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ sinh hoạt vui chơi, giải trí cho trẻ em điểm Nhà văn hóa thiếu nhi huyện Bù Đăng		500				
5	Dự án tăng cường năng lực cán bộ văn hóa cơ sở truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	0	50	50	58	50	
	- Mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở thị xã Đồng Xoài và các huyện trên địa bàn.		50	50			
	- Mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở huyện Lộc Ninh và các huyện trên địa bàn.				58		
	- Mở lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở huyện Hớn Quản và các huyện trên địa bàn.					50	
	Tổng cộng	4.533	7.821	7.790	1.938	3.149	56

PHỤ LỤC 4

CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

ĐVT: Triệu đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Vốn giai đoạn 2016 - 2020	Vốn giai đoạn 2021 - 2025	Nguồn vốn
I	Các dự án sử dụng vốn nhà nước:			
1	Dự án Trung tâm Văn hóa - Thông tin tỉnh Bình Phước	27.800		Ngân sách địa phương
2	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Mộ tập thể 3000 người tại thị xã Bình Long	15.500		Ngân sách địa phương
3	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư phục vụ xây dựng Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'Tiêng Sok Bom Bo	10.000		Ngân sách địa phương
4	Dự án xây dựng hạ tầng giao thông, hồ chứa nước và hệ thống cấp nước Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'Tiêng Sok Bom Bo	39.058		Ngân sách Trung ương 26.558 và đối ứng ngân sách địa phương 12.500
5	Dự án Xây dựng hàng rào Khu di tích lịch sử và du lịch sinh thái Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam	20.000		Ngân sách địa phương
6	Dự án Khu đón tiếp di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam Việt Nam	15.000		Ngân sách địa phương
7	Dự án xây dựng đường giao thông từ ngã ba Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực Trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	90.000		Ngân sách Trung ương
8	Dự án Khán đài A sân vận động tỉnh	80.000		Ngân sách địa phương
9	Dự án Đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh	18.000		Ngân sách địa phương
10	Dự án Nhà Thi đấu đa năng TDTT tỉnh	200.000		Ngân sách Trung ương
11	Dự án cải tạo nâng cấp Nhà hát dân tộc tỉnh	20.000		Ngân sách địa phương
12	Dự án Bảo tàng tỉnh		120.000	Ngân sách địa phương
13	Dự án Thư viện tỉnh		100.000	Ngân sách địa phương
14	Dự án Khu du lịch Hồ Suối Cam		100.000	Ngân sách địa phương
15	Dự án khôi phục Nhà tù Bà Rá	13.500		Ngân sách địa phương
16	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Hớn Quản	22.000		Ngân sách địa phương
17	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Chơn Thành	22.000		Ngân sách địa phương
18	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Đồng Phú	22.000		Ngân sách địa phương
19	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Phú Riềng	22.000		Ngân sách địa phương
20	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Bù Gia Mập	22.000		Ngân sách địa phương
	Tổng cộng:	658.858	320.000	
II	Các dự án từ nguồn xã hội hóa			
1	Dự án Nhà Tưởng niệm tại Khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam VN	11.588		Do Binh đoàn 16 tài trợ
2	Dự án Nhà Truyền thống tại Khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam VN	6.198		Do Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN tài trợ
3	Dự án Nhà Đón tiếp tại Khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam VN	14.962		Do UBND tỉnh Bình Dương tài trợ
4	Dự án Tượng đài Chiến thắng tại Khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam VN	14.999		Do Tập đoàn Viettel tài trợ
5	Dự án Cổng vào Khu di tích lịch sử Bộ Chỉ	2.563		Do Quân khu 7 tài trợ

	huy Quân giải phóng Miền Nam VN			
6	Các dự án giai đoạn II Khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam VN	150.000		Do UBND tỉnh kêu gọi vốn đầu tư
7	Dự án Khu quần thể văn hóa-cứu sinh núi Bà Rá	200.000	300.000	Do Công ty cổ phần doanh nghiệp xã hội An Viên tài trợ
8	Dự án Khu du lịch sinh thái Trảng cỏ Bù lạch	110.000		Do Đ ài Phát thanh và Truyền hình tỉnh kêu gọi vốn đầu tư
9	Dự án Hồ bơi Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	50.000		Do Sở VH TT & DL kêu gọi vốn đầu tư
10	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (Hợp phần dự án du lịch cộng đồng tại xã Lộc Khánh – Lộc Ninh)	8.120	19.896	Do nguồn vốn ADB
11	Dự án Công viên văn hóa tỉnh	656.754		Nguồn vốn do Công ty HUD Nha Trang đầu tư
12	Bảo tàng Cao su		50.000	Nguồn vốn do Tập đoàn Cao su VN đầu tư
	Tổng cộng:	1.225.184	419.896	